TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 169/2026/DS-ST
Ngày: 29 - 5 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Út

2/ Ông Huỳnh Văn Chiêu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, TP . Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Lưu Yến K, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền số 2260/2025/UQ-VPB)

Bị đơn: 1/ Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992.

2/ Chị Phạm Thị Cẩm T1, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị K xin vắng; anh T, chị T1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2025, trong quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Yến K là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) trình bày:

Ngày 16/6/2022, anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V hợp đồng vay tài sản số LN2205175785435 với số tiền 382.000.000 đồng, mục đích vay vốn thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu TERACO, mã kiểu loại TERA 190SL-MB, nhãn hiệu JE493ZLQ4, thời hạn vay 72 tháng; lãi suất vay 10.75%/năm. Giải ngân ngày 16/6/2022. Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 63H-028.59, số khung RM0TL174LNC000102, số máy JE493ZLQ436120915 do Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/6/2022 cho chị Phạm Thị Cẩm T1 đứng tên. Đến ngày 15/9/2025 anh T, chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Nay, Ngân hàng TMCP V yêu cầu anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1 trả số tiền chưa thanh toán tính đến ngày 29/5/2026 là 148.949.720 đồng, trong đó nợ gốc 135.475.000 đồng, lãi 13.474.720 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Nếu anh T, chị T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là xe ô tô biển kiểm soát 63H-028.59 của chị Phạm Thị Cẩm T1.

***** Bị đơn anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T, chị T1 vẫn không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Lưu Yến K đại diện cho Ngân hàng TMCP V, thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay chưa trả là 135.475.000 đồng và tiền lãi. Anh T2, chị T1 hiện cư trú tại ấp Q, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đon chị Lưu Yến K có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Quốc T, chị Phạm Thị Cẩm T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh T, chị T1 vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, thống nhất quyết định xét xử vắng mặt đối với chị K, anh T và chị T1.

[2] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và anh Nguyễn Quốc T, chị Phạm Thị Cẩm T1 có ký kết hợp đồng vay tài sản với số tiền 382.000.000 đồng, mục đích vay vốn thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 72 tháng; lãi suất vay 10.75%/năm. Giải ngân ngày 16/6/2022. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô biển kiểm soát 63H-028.59 do chị Phạm Thị Cẩm T1 đứng tên giấy đăng ký xe. Tổng số tiền anh T, chị T1 đã thanh toán là 385.644.868 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 246.525.000 đồng, lãi 139.119.868 đồng. Đến ngày 15/9/2025 anh T, chị T1 ngưng thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng. Hiện anh T, chị T1 còn nợ Ngân hàng số tiền 148.949.720 đồng, trong đó nợ gốc là 135.475.000 đồng, lãi 13.474.720 đồng nên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy, Ngân hàng khởi kiện anh T, chị T1 yêu cầu anh chị phải trả cho Ngân hàng số tiền vay tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 148.949.720 đồng, trong đó nợ gốc là 135.475.000 đồng, lãi 13.474.720 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi trả xong nợ. Ngân hàng có giao nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện là 01 hợp đồng tín dụng số LN2205175785435 ngày 16/6/2022. Nội dung Hợp đồng thể hiện anh T, chị T1 có vay của Ngân hàng số tiền vốn là 382.000.000đồng, mục đích vay mua xe ô tô. Thời hạn cho vay 72 tháng, ngày giải ngân 16/6/2022, trả vốn và lãi chia theo kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu trả từ 15/7/2022. Do đó Ngân hàng đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, theo qui định tại khoản 1 điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo qui định tại khoản 2 điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự qui định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Trong vụ án này anh T, chị T1 không có sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và chứng cứ do Ngân hàng cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quốc T, chị Phạm Thị Cẩm T1 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh T, chị T1 vẫn vắng mặt hai lần không có lý do và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng đã Thông báo cho anh T, chị T1 biết về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T, chị T1 cũng tiếp tục

không có ý kiến, như vậy anh T, chị T1 biết được việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi, nhưng anh T chị T1 vẫn mặc nhận nợ.

Do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng TMCP V với anh T, chị T1 đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo qui định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng xác định từ khi vay đến nay anh T, chị T1 có trả vốn lãi theo thỏa thuận được thời gian thì ngưng, hiện nay còn nợ lại 148.949.720 đồng, trong đó nợ gốc 135.475.000 đồng, lãi 13.474.720 đồng. Lời khai của chị Lưu Yến K đại diện cho Ngân hàng P với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ xác định anh T, chị T1 có vay và còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi đến nay chưa trả như Ngân hàng đã xác định là đúng. Theo Điều 8 của hợp đồng tín dụng thì anh T, chị T1 phải có nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi cho Ngân hàng vào ngày 15 hàng tháng, nếu không trả Ngân hàng có quyền yêu cầu trả nợ trước hạn. Tuy nhiên đến ngày 15/9/2025 và cho đến nay anh T, chị T1 không trả vốn, lãi như đã thỏa thuận theo điều khoản, điều kiện cấp tín dụng của Ngân hàng. Như vậy anh T, chị T1 đã vi phạm hợp đồng đã thỏa thuận ký kết với Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị T1 trả lại tiền vốn và lãi là phù hợp. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo hợp đồng tín dụng được ký kết thì anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1 là người vay vốn tại Ngân hàng và trực tiếp sử dụng vốn vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ vay và trả tiền là của anh T, chị T1. Do đó Hội đồng xét xử buộc anh T, chị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số vay còn nợ tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 148.949.720 đồng, trong đó nợ gốc 135.475.000 đồng, lãi 13.474.720 đồng theo yêu cầu của chị Lưu Yến K đại diện cho Ngân hàng là phù hợp với điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về thời gian trả: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Yến K đại diện cho Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Quốc T, chị Phạm Thị Cẩm T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh T, chị T1 đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Ngân hàng đã yêu cầu anh T, chị T1 trả tiền nhiều lần nhưng vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho Ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử buộc anh T, chị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi theo thời gian yêu cầu của chị K đại diện cho Ngân hàng là phù hợp.

[5] Về hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ và việc xử lý tài sản thế chấp: Xét thấy khi ký kết hợp đồng tín dụng số LN2205175785435 ngày 16/6/2022 để vay vốn. Để bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1. Ngân hàng và anh T, chị T1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp số LN2205175785435 ngày 16/6/2022, với nội dung: Thế chấp tài sản là 01 xe ô tô biển kiểm soát 63H-028.59, số khung RM0TL174LNC000102, số

máy JE493ZLQ436120915 do Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/6/2022 cho chị Phạm Thị Cẩm T1 đứng tên. Việc thế chấp và nhận thế chấp theo quy định pháp luật hợp lệ. Vì vậy nếu anh T, chị T1 không tự nguyện trả tiền trong quá trình thi hành án, thì tài sản thế chấp nêu trên để bảo đảm nợ vay được xử lý bán đấu giá để thi hành án là phù hợp quy định.

[6] Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 2, Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1. Buộc anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1 phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền gốc 135.475.000 đồng, lãi 13.474.720 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu anh T, chị T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản

bảo đảm để thu hồi nợ là xe ô tô biển kiểm soát 63H-028.59 do chị Phạm Thị Cẩm T1 đứng tên.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T và chị Phạm Thị Cẩm T1 phải chịu 7.447.486 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 4.343.588 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000167 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 - ĐT;
- CCTHADS khu vực 4 - ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan